

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Sĩ Tú	Chủ tịch
Ông Lê Trung Hà	Phó chủ tịch
Ông Hoàng Linh Sơn	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Sinh	Thành viên
Ông Mai Thanh Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Biên	Thành viên
Bà Vũ Hoàng Phương	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Trung Hà	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Linh Sơn	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

\_\_\_\_\_  
và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngày 29 tháng 03 năm 2018



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 032904/2018/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông,  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 03 năm 2018 từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, lỗ lũy kế của Công ty là 121.815.242.075 đồng. Đây là những dấu hiệu ảnh hưởng đến giá định liên tục hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở giá định hoạt động liên tục. Do bản chất của sự việc, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá sự phù hợp của giá định hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của vấn đề này đến quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



  
Nguyễn Nam Cường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1950-2018-072-01  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn  
Tài chính Quốc tế (IFC)  
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

  
Lê Quốc Anh

Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3384-2015-072-01

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>33.843.252.049</b>	<b>26.115.062.878</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>14.367.404.409</b>	<b>5.508.797.522</b>
1. Tiền	111		14.367.404.409	5.508.797.522
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.380.871.836</b>	<b>12.358.522.343</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.967.442.873	8.755.861.639
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		632.556.320	625.609.702
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	9.408.576.458	4.473.719.568
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1.627.703.815)	(1.496.668.566)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.287.180.621</b>	<b>5.866.991.216</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	3.287.180.621	5.866.991.216
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.807.795.183</b>	<b>1.380.751.797</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	714.838.031	826.042.729
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		873.720.445	335.472.361
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	219.236.707	219.236.707
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>810.779.894</b>	<b>136.999.500.607</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>147.096.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	147.096.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	<b>129.130.997.451</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	-	129.130.997.451
- Nguyên giá	222		4.632.288.498	238.675.734.783
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.632.288.498)	(109.544.737.332)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		97.929.100	97.929.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.929.100)	(97.929.100)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.9</b>	<b>728.255.518</b>	<b>851.265.766</b>
- Nguyên giá	231		1.026.649.439	1.026.649.439
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(298.393.921)	(175.383.673)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>82.524.376</b>	<b>6.870.141.390</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	82.524.376	6.870.141.390
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>34.654.031.943</b>	<b>163.114.563.485</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>47.898.366.414</b>	<b>148.837.961.508</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>30.269.392.049</b>	<b>52.331.219.018</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	7.257.756.694	9.361.017.986
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		341.613.160	418.849
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	23.047.890	460.838.891
4. Phải trả người lao động	314		12.226.963.421	11.690.254.336
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	2.292.946.877	164.374.424
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	2.319.700.411	2.536.815.936
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	4.561.165.000	26.641.300.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.246.198.596	1.476.198.596
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.628.974.365</b>	<b>96.506.742.490</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		1.000.000.000	1.000.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337		578.396.490	830.472.490
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14.b	16.050.577.875	94.676.270.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(13.244.334.471)</b>	<b>14.276.601.977</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>(13.244.334.471)</b>	<b>14.276.601.977</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		61.003.910.000	61.003.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.003.910.000	61.003.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		47.158.330.000	47.158.330.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(685.057.621)	(685.057.621)
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.200.000	10.200.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(121.815.242.075)	(94.388.558.472)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(94.388.558.472)	(112.392.782.733)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(27.426.683.603)	18.004.224.261
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.083.525.225	1.177.778.070
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>34.654.031.943</b>	<b>163.114.563.485</b>



Vũ Hoàng Phương  
Người lập  
Ngày 29 tháng 03 năm 2018



Vũ Hoàng Phương  
Kế toán trưởng



Lê Trung Hà  
Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	98.483.399.976	90.719.636.779
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		98.483.399.976	90.719.636.779
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	92.597.645.980	84.308.919.920
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.885.753.996	6.410.716.859
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	929.980.350	1.877.578.418
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.303.743.155	7.215.699.785
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.142.278.416	4.567.768.037
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.722.801.233	9.753.021.619
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.210.810.042)	(8.680.426.127)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	3.886.368.211	35.184.524.884
13. Chi phí khác	32	VI.7	26.196.494.617	1.795.394.327
14. Lợi nhuận khác	40		(22.310.126.406)	33.389.130.557
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(27.520.936.448)	24.708.704.430
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	6.704.480.169
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(27.520.936.448)	18.004.224.261
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(27.426.683.603)	17.957.152.556
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(94.252.845)	47.071.705
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(4.512)	2.954
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(4.512)	2.954



Vũ Hoàng Phương  
Người lập  
Ngày 29 tháng 03 năm 2018



Vũ Hoàng Phương  
Kế toán trưởng





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(27.520.936.448)	24.708.704.430
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	11.433.547.317	16.203.454.308
Các khoản dự phòng	03	131.035.249	732.851.752
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(416.256.214)	1.166.890.892
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	18.250.530.657	(33.625.541.709)
Chi phí lãi vay	06	3.142.278.416	4.567.768.037
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	5.020.198.977	13.754.127.710
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(1.544.536.826)	(58.186.213.643)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	2.579.810.595	(422.037.490)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(2.460.903.758)	51.189.740.499
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	6.898.821.712	(2.157.728.690)
Tiền lãi vay đã trả	14	(924.260.963)	(4.664.087.863)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(6.704.480.169)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.569.129.737	(7.190.679.646)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(11.730.000)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	99.498.412.125	47.020.883.795
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(8.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	8.100.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	71.517.600	119.803.105
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	99.569.929.725	47.128.956.900
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	695.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(100.280.127.125)	(57.784.528.728)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(100.280.127.125)	(57.089.528.728)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	8.858.932.337	(17.151.251.474)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.508.797.522	22.653.417.013
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(325.450)	6.631.983
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	14.367.404.409	5.508.797.522



Vũ Hoàng Phương  
Người lập  
Ngày 29 tháng 03 năm 2018



Vũ Hoàng Phương  
Kế toán trưởng



Lê Trung Hà  
Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 77/1999/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 01 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải "về việc chuyển Công ty Hợp tác lao động với nước ngoài thành Công ty Cổ phần".

Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055574 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24 tháng 3 năm 1999 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 61.003.910.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 385 người (31 tháng 12 năm 2016 là 412 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Tổ chức tuyển và đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn ngoại ngữ cho cán bộ công nhân viên hợp tác lao động với nước ngoài;
- Môi giới, đại lý và trực tiếp xuất khẩu lao động;
- Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải, đại lý giao nhận hàng hoá;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa cho tàu biển trong và ngoài nước; và
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới, đại lý và trực tiếp xuất khẩu lao động; Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải, đại lý giao nhận hàng hoá; Dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa cho tàu biển trong và ngoài nước.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có hai chi nhánh tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh và một công ty con.

*Công ty con*

Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ INLACO được thành lập theo chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0201604876 ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Vốn điều lệ của công ty là 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng chẵn). Hoạt động chính là vận tải đường bộ, đường biển và đào tạo huấn luyện thuyền viên, đưa người đi lao động và làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Inlaco là 77,78%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

*Chi nhánh*

Chi nhánh tại Hà Nội: được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động chi nhánh số 311313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 05 năm 1999 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Chi nhánh có địa chỉ tại số 04 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Ngành nghề kinh doanh chính là đào tạo nâng cao chuyên môn ngoại ngữ cho cán bộ công nhân đi hợp tác lao động ở nước ngoài; Đưa người đi lao động và làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh: được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động chi nhánh số 310496 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28 tháng 05 năm 1999 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Chi nhánh có địa chỉ tại số 33 Trịnh Văn Cấn, phường Cầu Ông Lãnh, quận I, thành Phố Hồ Chí Minh. Ngành nghề kinh doanh chính là tổ chức tuyển và đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ cho cán bộ công nhân viên đi hợp tác lao động nước ngoài; Môi giới, đại lý và trực tiếp xuất khẩu lao động; Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên; Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận hàng hoá và môi giới hàng hải và dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa nhỏ cho tàu biển trong và ngoài nước.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến thuyết minh số II- “Cơ sở lập Báo cáo tài chính” trong Thuyết minh Báo cáo tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty lỗ liên tục trong các năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, lỗ lũy kế của Công ty là 121.815.242.075 đồng. Vấn đề này đã được trình bày và giải trình trên Thư giải trình của Ban Giám đốc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập trên giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con khi hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)****Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	07 - 15

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 10 năm đối với nhà 03 tầng 138 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và 04 năm đối với nhà 02 tầng 138 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tồn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)**

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước bao gồm các khoản phí bảo hiểm thuyền viên, phí bảo hiểm thân tàu, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định (tàu biển), công cụ dụng cụ xuất dùng. Thời gian phân bổ không quá 03 năm đối với sửa chữa lớn tài sản cố định, công cụ dụng cụ, không quá 01 năm đối với phí bảo hiểm thân tàu và được phân bổ đều vào các kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	653.150.825	574.047.448
Tiền gửi ngân hàng	13.714.253.584	4.934.750.074
<b>Cộng</b>	<b>14.367.404.409</b>	<b>5.508.797.522</b>

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

(\*) Khoản tiền gửi theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất bằng 6%/năm.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH KDK Ship Charter	762.446.875	763.900.000
Công ty TNHH MTV VTB Gemadept	754.748.906	-
Công ty TNHH Xuân Việt	454.333.631	454.333.631
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	386.504.000	-
Công ty TNHH Hào Hưng	1.401.413.591	1.551.336.266
Các khoản phải thu khác	1.207.995.870	5.986.291.742
<b>Cộng</b>	<b>4.967.442.873</b>	<b>8.755.861.639</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược	2.590.649.440	1.887.805.696
Phải thu của Bảo hiểm PVI		
Tạm ứng	909.299.869	1.044.753.904
Phải thu thuyền viên	-	-
Phải thu khác	5.908.627.149	1.541.159.968
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam về chi phí lên đà tàu</i>	5.834.465.649	-
<i>Phải thu của Bảo hiểm PVI</i>	-	1.513.245.968
<i>Phải thu khác</i>	74.161.500	27.914.000
<b>Cộng</b>	<b>9.408.576.458</b>	<b>4.473.719.568</b>

**5. Hàng tồn kho**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.209.740.621	5.836.071.216
Công cụ, dụng cụ	77.440.000	30.920.000
<b>Cộng</b>	<b>3.287.180.621</b>	<b>5.866.991.216</b>

**6. Chi phí trả trước**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
- Phí bảo hiểm tàu	592.677.985	589.907.974
- Bảo hiểm tai nạn cho thuyền viên	45.077.276	37.916.027
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	77.082.770	198.218.728
<b>Cộng</b>	<b>714.838.031</b>	<b>826.042.729</b>
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định	-	5.476.682.325
- Công cụ dụng cụ xuất dùng ngắn hạn	-	1.368.516.935
- Chi phí trả trước dài hạn khác	82.524.376	24.942.130
<b>Cộng</b>	<b>82.524.376</b>	<b>6.870.141.390</b>

**CÔNG TY CP HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**Số 4 Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ,  
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****7. Nợ xấu**

Thời gian quá hạn	31/12/2017			01/01/2017			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	
	VND	VND		VND	VND		
Vitranchart QN	Trên 3 năm	191.884.805	-	191.884.805	191.884.805	-	191.884.805
Công ty Xuân Việt	Trên 3 năm	454.333.631	-	454.333.631	454.333.631	-	454.333.631
Chi nhánh công ty Xuân Việt	Trên 3 năm	117.598.378	-	117.598.378	117.598.378	-	117.598.378
Công ty Anh Phát	Trên 3 năm	40.000.000	-	40.000.000	40.000.000	-	40.000.000
Công ty CP Mặt trời Việt	Trên 3 năm	180.000.000	-	180.000.000	180.000.000	-	180.000.000
Công ty CP KCN Phả Lại	Trên 3 năm	30.000.000	-	30.000.000	30.000.000	-	30.000.000
Công ty TNHH Việt Thắng	Trên 3 năm	20.387.000	-	20.387.000	20.387.000	-	20.387.000
Ký quỹ radio cho tàu Friendship	Trên 3 năm	17.040.000	17.040.000	-	17.040.000	-	17.040.000
Ký quỹ radio tàu Union	Từ 1 năm đến 2 năm	18.176.000	18.176.000	-	18.176.000	9.088.000	9.088.000
Thuê tàu ILC Friendship	Từ 1 năm đến 2 năm	762.446.875	227.674.875	534.772.000	755.217.502	377.608.751	377.608.751
Công ty Cổ phần thương mại vận tải Nhật Hải Đăng	Từ 6 tháng đến 1 năm	195.760.004	137.032.003	58.728.001	195.760.004	137.032.003	58.728.001
<b>Cộng</b>		<b>2.027.626.693</b>	<b>399.922.878</b>	<b>1.627.703.815</b>	<b>2.020.397.320</b>	<b>523.728.754</b>	<b>1.496.668.566</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2017	2.346.157.830	236.175.807.863	153.769.090	238.675.734.783
Giảm khác (*)	-	(234.043.446.285)	-	(234.043.446.285)
Tại ngày 31/12/2017	2.346.157.830	2.132.361.578	153.769.090	4.632.288.498
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2017	2.346.157.830	107.054.141.060	144.438.442	109.544.737.332
Khấu hao trong năm	-	11.301.206.421	9.330.648	11.310.537.069
Giảm khác (*)	-	(116.222.985.903)	-	(116.222.985.903)
Tại ngày 31/12/2017	2.346.157.830	2.132.361.578	153.769.090	4.632.288.498
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2017	-	129.121.666.803	9.330.648	129.130.997.451
Tại ngày 31/12/2017	-	-	-	-

(\*) Tại ngày 22 tháng 08 năm 2017, Công ty bán giao tàu Inlaco Brave cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam để thực hiện nghĩa vụ nợ theo thỏa thuận nhận gán nợ bằng tài sản đảm bảo và Hợp đồng chuyển quyền sở hữu tài sản là tàu biển số 01.2017/HDCQSH/MSB-ILC.

Tại ngày 25 tháng 10 năm 2017, Công ty bán giao tàu ILC Union cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam để thực hiện nghĩa vụ nợ theo thỏa thuận nhận gán nợ bằng tài sản đảm bảo và Hợp đồng chuyển quyền sở hữu tài sản là tàu biển số 02.2017/HDCQSH/MSB-ILC.

**9. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2017	1.026.649.439	1.026.649.439
Tại ngày 31/12/2017	1.026.649.439	1.026.649.439
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2017	175.383.673	175.383.673
Khấu hao trong năm	123.010.248	123.010.248
Tại ngày 31/12/2017	298.393.921	298.393.921
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2017	851.265.766	851.265.766
Tại ngày 31/12/2017	728.255.518	728.255.518

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****10. Phải trả người bán**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Glander International Bunkering	1.453.914.306	1.888.241.964
Cảng phí nước ngoài	795.754.750	282.891.000
Công ty TNHH MTV Ba Sơn	736.604.307	-
Công ty Fratelli Cosulich Hongkong	730.910.575	3.306.729.600
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Ánh Dương	-	118.712.530
Công ty TNHH Thương mại vận tải Quang Lâm	259.765.000	-
Phải trả cho các đối tượng khác	3.280.807.756	3.764.442.892
<b>Cộng</b>	<b>7.257.756.694</b>	<b>9.361.017.986</b>

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% đối với các khoản công nợ phải trả người bán.

**11. Thuế và các khoản phải thu, phải trả Nhà nước**

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	219.236.707	-	-	219.236.707
<b>Cộng</b>	<b>219.236.707</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>219.236.707</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	420.158.763	2.345.187.602	2.757.589.425	7.756.940
Thuế thu nhập cá nhân	40.680.128	185.231.100	210.620.278	15.290.950
<b>Cộng</b>	<b>460.838.891</b>	<b>2.530.418.702</b>	<b>2.968.209.703</b>	<b>23.047.890</b>

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lãi vay phải trả	2.292.946.877	74.929.424
Chi phí sửa chữa tàu	-	89.445.000
<b>Cộng</b>	<b>2.292.946.877</b>	<b>164.374.424</b>

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	789.809.036	612.217.129
Bảo hiểm xã hội	880.275.036	597.685.615
Phải trả thuyền viên	359.364.379	1.031.817.320
Các khoản phải trả, phải nộp khác	290.251.960	295.095.872
<b>Cộng</b>	<b>2.319.700.411</b>	<b>2.536.815.936</b>

**CÔNG TY CP HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**

Số 4 Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ,  
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**14. Vay và nợ thuê tài chính**

**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	01/01/2017 VND
Dự án Inlaco Land (i)	35.300.000	-	-	35.300.000
Bà Đồ Thị Phương	-	-	420.000.000	420.000.000
<b>Cộng</b>	<b>35.300.000</b>	<b>-</b>	<b>420.000.000</b>	<b>455.300.000</b>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.17)	4.525.865.000			26.186.000.000
<b>Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>4.561.165.000</b>			<b>26.641.300.000</b>

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

(i) Khoản vay cá nhân thực hiện dự án Inlaco Land với lãi suất 0%. Dự án InLaco Land không thực hiện được nhưng khoản vay chưa được thanh toán.

**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	01/01/2017 VND
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (i)	16.050.577.875	-	97.098.412.125	113.148.990.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	-	-	1.625.000.000	1.625.000.000
Vay cá nhân (*)	4.525.865.000	-	1.562.415.000	6.088.280.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>20.576.442.875</b>	<b>-</b>	<b>100.285.827.125</b>	<b>120.862.270.000</b>
<b>Trừ: vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</b>	<b>(4.525.865.000)</b>			<b>(26.186.000.000)</b>
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	(4.525.865.000)			(25.536.000.000)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	-			(650.000.000)
<b>Cộng vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>16.050.577.875</b>			<b>94.676.270.000</b>

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****14. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)***Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:*

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.525.865.000	25.536.000.000
Trong năm thứ hai	16.050.577.875	43.228.800.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	50.472.470.000
<b>Cộng</b>	<b>20.576.442.875</b>	<b>119.237.270.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	4.525.865.000	26.186.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>16.050.577.875</b>	<b>93.051.270.000</b>

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0126/009/HP, ngày 26 tháng 06 năm 2009 số tiền nhận nợ là 5.850.000 USD, thời hạn vay là 10 năm 3 tháng, lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD thời hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + 3%/năm. Công ty sử dụng vốn tiền vay để mua tàu Inlaco Brave, tài sản đảm bảo là tàu Inlaco Brave.
- Hợp đồng tín dụng số 0090/10/HP, ngày 04 tháng 10 năm 2010, số tiền nhận nợ là 5.500.000 USD, thời hạn vay là 12 năm 8 tháng, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD thời hạn 13 tháng trả lãi sau (+) biên độ 3,5%/năm. Công ty sử dụng tiền vay để mua tàu ILC Union, tài sản đảm bảo là tàu ILC Union.

(\*) Chi tiết các khoản vay dài hạn cá nhân

Cá nhân	31/12/2017			
	Số tiền vay VND	Số tiền vay USD	Lãi suất %/năm	Thời hạn Tháng
Tạ Tuyết Minh	500.000.000		8,00%	24
Hà Hoàng Hải	784.702.500	34.500	3,00%	24
Lê Bích Ngọc	739.212.500	32.500	3,00%	24
Phan Việt Thịnh	909.800.000	40.000	3,00%	24
Phạm Việt Dũng	909.800.000	40.000	3,00%	24
Phạm Quốc Phương	682.350.000	30.000	3,00%	24
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.525.865.000</b>	<b>177.000</b>		

**CÔNG TY CP HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**Số 4 Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ,  
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B09 - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****15. Vốn chủ sở hữu****a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	61.003.910.000	47.158.330.000	(685.057.621)	10.200.000	(112.345.711.028)	1.130.706.365	(3.727.622.284)
Lãi trong năm	-	-	-	-	17.957.152.556	47.071.705	18.004.224.261
Tại ngày 01/01/2017	61.003.910.000	47.158.330.000	(685.057.621)	10.200.000	(94.388.558.472)	1.177.778.070	14.276.601.977
Lãi trong năm	-	-	-	-	(27.426.683.603)	(94.252.845)	(27.520.936.448)
Tại ngày 31/12/2017	61.003.910.000	47.158.330.000	(685.057.621)	10.200.000	(121.815.242.075)	1.083.525.225	(13.244.334.471)

**b. Cổ phiếu**

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.100.391	6.100.391
- Cổ phiếu phổ thông	6.100.391	6.100.391
Số lượng cổ phiếu quỹ	21.320	21.320
- Cổ phiếu phổ thông	21.320	21.320
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.079.071	6.079.071
- Cổ phiếu phổ thông	6.079.071	6.079.071
Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu dịch vụ vận tải đường biển	79.047.786.246	74.244.138.181
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	1.203.589.999	2.264.203.620
Doanh thu dịch vụ hàng hải	1.925.047.639	1.556.193.367
Doanh thu cho thuê thuyền viên	15.253.739.358	11.532.074.256
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.053.236.734	1.123.027.355
<b>Cộng</b>	<b>98.483.399.976</b>	<b>90.719.636.779</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn dịch vụ vận tải đường biển	87.927.939.190	78.488.273.949
Giá vốn dịch vụ vận tải đường bộ	1.450.075.595	2.656.465.376
Giá vốn dịch vụ hàng hải	507.358.504	353.328.254
Giá vốn cho thuê thuyền viên	1.964.675.989	2.060.050.343
Giá vốn cho thuê văn phòng	747.596.702	750.801.998
<b>Cộng</b>	<b>92.597.645.980</b>	<b>84.308.919.920</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	71.517.600	119.803.105
Lãi chênh lệch tỷ giá	858.462.750	1.757.775.313
<b>Cộng</b>	<b>929.980.350</b>	<b>1.877.578.418</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	3.142.278.416	4.567.768.037
Lỗ chênh lệch tỷ giá	161.464.739	2.605.690.358
Chi phí tài chính khác	-	42.241.390
<b>Cộng</b>	<b>3.303.743.155</b>	<b>7.215.699.785</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.317.673.313	6.148.353.036
Chi phí đồ dùng văn phòng	125.803.824	156.147.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.045.648	14.833.332
Thuế, phí và lệ phí	35.826.000	8.782.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.661.353.392	2.254.491.397
Chi phí bằng tiền khác	561.099.056	1.170.413.920
<b>Cộng</b>	<b>8.722.801.233</b>	<b>9.753.021.619</b>

**6. Thu nhập khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	33.505.738.604
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm	3.561.535.829	1.547.245.968
Các khoản khác	324.832.382	131.540.312
<b>Cộng</b>	<b>3.886.368.211</b>	<b>35.184.524.884</b>

**7. Chi phí khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.179.163.824	-
Chi phí sửa chữa tàu (Phải thu của bảo hiểm)	3.392.894.264	1.410.331.728
Chi phí lãi chậm nộp BHXH	59.973.738	-
Chuyển nhượng tài sản	20.150.853.998	-
Các khoản khác	413.608.793	385.062.599
<b>Cộng</b>	<b>26.196.494.617</b>	<b>1.795.394.327</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	(27.426.683.603)	17.957.152.556
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(27.426.683.603)	17.957.152.556
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.079.071	6.079.071
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(4.512)</b>	<b>2.954</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(4.512)</b>	<b>2.954</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.732.026.234	26.913.010.799
Chi phí nhân công	17.716.125.335	17.394.540.394
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.453.136.868	16.203.454.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.687.103.090	28.183.071.199
Chi phí khác bằng tiền	4.732.055.686	5.367.864.839
<b>Cộng</b>	<b>101.320.447.213</b>	<b>94.061.941.539</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành ba bộ phận hoạt động: bộ phận vận tải, bộ phận cho thuê thuyền viên, bộ phận khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận vận tải: Chủ yếu thực hiện chức năng vận chuyển hàng hóa trên đường biển

Bộ phận cho thuê thuyền viên: Chủ yếu thực hiện cung ứng thuyền trưởng, thuyền viên cho các tàu

Bộ phận khác: Chủ yếu thực hiện hoạt động cho thuê văn phòng, đại lý cảng, ...

**CÔNG TY CP HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**Số 4 Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ,  
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

	Hoạt động vận tải	Hoạt động cho thuê thuyền viên	Các hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	80.251.376.245	15.253.739.358	2.978.284.373	98.483.399.976
Tổng Doanh thu	80.251.376.245	15.253.739.358	2.978.284.373	98.483.399.976
Khấu hao và chi phí phân bổ	89.378.014.785	1.964.675.989	1.254.955.206	92.597.645.980
<b>Kết quả kinh doanh</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(9.126.638.540)	13.289.063.369	1.723.329.167	5.885.753.996
Chi phí không phân bổ				12.026.544.388
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(9.126.638.540)	13.289.063.369	1.723.329.167	(6.140.790.392)
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	929.980.350
Lãi /(lỗ) khác	-	-	-	(22.310.126.406)
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	(27.520.936.448)
Chi phí thuế TNDN				-
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>(27.520.936.448)</b>

**CÔNG TY CP HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**Số 4 Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ,  
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	Hoạt động vận tải	Hoạt động cho thuê thuyền viên	Các hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	76.508.341.801	11.532.074.256	2.679.220.722	90.719.636.779
<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>76.508.341.801</b>	<b>11.532.074.256</b>	<b>2.679.220.722</b>	<b>90.719.636.779</b>
Khấu hao và chi phí phân bổ	81.144.739.325	2.060.050.343	1.104.130.252	84.308.919.920
<b>Kết quả kinh doanh</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(4.636.397.524)	9.472.023.913	1.575.090.470	6.410.716.859
Chi phí không phân bổ				16.968.721.404
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.636.397.524)	9.472.023.913	1.575.090.470	(10.558.004.545)
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	1.877.578.418
Lãi/ (lỗ) khác	-	-	-	33.389.130.557
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	24.708.704.430
Chi phí thuế TNDN				6.704.480.169
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>18.004.224.261</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)**

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

	Hoạt động vận tải	Hoạt động cho thuê thuyền viên	Các hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	5.177.500.180	-	1.728.255.518	6.905.755.698
Tài sản không phân bổ	-	-	-	27.748.276.245
<b>Tổng tài sản</b>				<b>34.654.031.943</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	20.611.742.875	-	-	20.611.742.875
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	27.286.623.539
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>47.898.366.414</b>

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	Hoạt động vận tải	Hoạt động cho thuê thuyền viên	Các hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	144.885.933.048	3.135.408.316	8.141.942.768	156.163.284.132
Tài sản không phân bổ	-	-	-	6.951.279.353
<b>Tổng tài sản</b>				<b>163.114.563.485</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	148.837.961.508
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>148.837.961.508</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)***Bộ phận theo khu vực địa lý*

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 4 Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và công ty con đặt tại số 138 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Trụ sở chính của Công ty mẹ và Công ty con cùng địa phương, do đó công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**2. Bên liên quan***Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:*

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương của Ban Giám đốc	1.232.715.000	1.177.676.000
<b>Cộng</b>	<b>1.232.715.000</b>	<b>1.177.676.000</b>

**3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.



Vũ Hoàng Phương  
Người lập  
Ngày 29 tháng 03 năm 2018



Vũ Hoàng Phương  
Kế toán trưởng



Lê Trung Hà  
Giám đốc